

Uông Bí, ngày 06 tháng 10 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Phương Đông B công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		-		
1	Chi sự nghiệp		-		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.011.175.000	2.087.120.349	26%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.011.175.000	2.087.120.349	26%	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.011.175.000	2.087.120.349		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.768.790.000	2.062.120.349		
a	Chi thanh toán cá nhân		1.750.472.095		
	Mục 6000: Tiền lương		954.540.001		
	Mức 6051: Tiền công trả cho vị trí LĐ thường xuyên theo HĐ		5.000.000		
	Mục 6100: Phụ cấp lương		517.852.992		
	Mục 6200: Tiền thưởng				
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể		5.975.000		
	Mục 6300: Các khoản đóng góp		267.104.102		
	Mục 6400: Các khoản TT khác cho cá nhân				
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn		272.290.246		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Mục 6500: Dịch vụ công cộng		25.352.508		
	Mục 6550: Vật tư văn phòng		16.385.000		
	Mục 6600: Thông tin liên lạc		4.167.200		
	Mục 6650: Hội nghị				
	Mục 6700: Công tác phí		7.720.000		
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn		55.800.000		
	Mục 6900: Sửa chữa TS phục vụ CM		81.557.538		
	Mục 6950: Mua sắm TS phục vụ CM				
	Mục 7000: CP nghiệp vụ CM		81.308.000		
c	Chi mua sắm sửa chữa lớn		-		
	Mục 9050: M/sắm TS công tác CM		-		
d	Chi khác		39.358.008		
	Mục 7750: Chi khác		39.358.008		
đ	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoản chi và đơn vị sự nghiệp có thu		-		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	242.385.000	25.000.000		
	Chi thanh toán cá nhân		-		
	- Mục 6100: Phụ cấp lương				
	- Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho HS				
	- Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	-	-		
	Mục 6500: Dịch vụ công cộng				
	Mục 7150: Chi về công tác người có công với CM				
	Mục 7000: CP nghiệp vụ CM				
	Chi khác	-	25.000.000		
	Mục 7750: Chi khác		25.000.000		

Ngày 06 tháng 10 năm 2023



Thủ trưởng đơn vị

Lại Thị Thanh Linh